

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình
Đường Đông Tây 1 kéo dài - Khu kinh tế Nghi Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 8484/BKHĐT-QLKKT ngày 28/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương đầu tư hạ tầng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ công văn số 470b/CV-HĐND ngày 30/10/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về quyết định chủ trương đầu tư dự án đường Đông Tây 1 - Khu kinh tế Nghi Sơn;

Xét Tờ trình số 417/Tr-BQLKTNS ngày 17/3/2016 của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đường Đông Tây 1 kéo dài - Khu kinh tế Nghi Sơn, kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 965/SGTVT-TĐKHKT ngày 15/3/2016 của Sở Giao thông vận tải; Tờ trình số 861/SKHĐT-TĐ ngày 17/3/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đường Đông Tây 1 kéo dài - Khu kinh tế Nghi Sơn với những nội dung sau:

- 1. Tên dự án:** Đường Đông Tây 1 kéo dài - Khu kinh tế Nghi Sơn.
- 2. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn.
- 3. Đơn vị tư vấn lập dự án:** Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại Hưng Phú.

4. Mục tiêu đầu tư: Từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông theo quy hoạch, tăng năng lực lưu thông của các phương tiện trên tuyến nhằm giảm tải lưu lượng giao thông của Quốc lộ Cảng Nghi Sơn - đường Hồ Chí Minh, cải thiện điều kiện đi lại của nhân dân, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa, trang thiết bị của doanh nghiệp, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

5. Nội dung và quy mô đầu tư

5.1. Quy mô đầu tư: Xây dựng tuyến đường đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, chiều dài 6.887,18m.

- Điểm đầu: Km0+00 giao với QL1A tại Km370+850, thuộc xã Xuân Lâm.

- Điểm cuối: Km6+887,18 giao với Quốc lộ Cảng Nghi Sơn - đường Hồ Chí Minh tại Km16+200, thuộc xã Phú Lâm.

5.2. Nội dung đầu tư, giải pháp kỹ thuật

a) Tuyến đường

- Đường cấp III đồng bằng theo TCVN4054-2005.

+ Vận tốc thiết kế: $V_{tk}=80\text{km/h}$.

+ Bề rộng nền đường: $B_n=16\text{m}$.

+ Bề rộng mặt đường: $B_m=14\text{m}$.

+ Bề rộng dải an toàn: $B_l=1,0\text{m}$.

+ Bề rộng lề đường: $B_l=2\times 0,5\text{m}=1,0\text{m}$.

Riêng các đoạn đi qua khu dân cư (Km0-Km0+250 và Km0+960-Km1+300) có bề rộng nền đường $B_n=19,0\text{m}$, bề rộng vỉa hè $B_{hè}=2\times 2,0\text{m}=4,0\text{m}$.

- Kết cấu móng, mặt đường: Móng cấp phối đá dăm, mặt đường bê tông nhựa 2 lớp (lớp trên bê tông nhựa chặt 12,5 dày 6cm, lớp dưới bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm). Cường độ mặt đường yêu cầu $E_{vc}\geq 160\text{Mpa}$.

- Kết cấu nền đường:

+ Nền đường thông thường: Đắp bằng đất đồi đầm lèn đạt độ chặt $K\geq 0,95$; riêng lớp đất dưới lớp kết cấu áo đường dày 30cm, đầm lèn đạt độ chặt $K\geq 0,98$; độ dốc mái taluy nền đắp là 1/1,5, taluy nền đào là 1/1. Gia cố mái taluy bằng trồng cỏ; đoạn đi qua vùng ngập nước (Km0+230-Km0+520) gia cố bằng đá hộc xây VXM M100.

+ Xử lý nền đất yếu: Đối với các đoạn từ Km0+230-Km0+520, Km0+670-Km0+939, đào thay một phần đất yếu, kết hợp đóng cọc tre.

- Nút giao: Dạng cùng mức; kết cấu móng, mặt đường giống với tuyến đường chính. Riêng nút giao đường sắt có xây dựng gác chắn.

- Vuốt nổi các đường ngang dân sinh với quy mô lớn hơn hoặc bằng đường hiện tại đảm bảo êm thuận và an toàn giao thông; kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng.

- Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí đầy đủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về biển báo hiệu đường bộ QCVN 41:2012/BGTVT.

b) Công trình thoát nước

- *Thoát nước dọc*: Bằng chày tủa. Đoạn qua khu dân cư xây dựng rãnh kín bằng BTCT chiều rộng B=60cm.

- *Thoát nước ngang*: Xây dựng vĩnh cửu bằng bê tông, BTCT và BTCT dự ứng lực. Tải trọng thiết kế H30-XB80, tần suất thiết kế P=4% đối với cống; tải trọng thiết kế HL93, tần suất thiết kế P=1% đối với cầu.

+ Cống thoát nước ngang: Toàn tuyến xây mới 15 cống và nổi dài 3 cống các loại. Kết cấu công trình bằng bê tông, BTCT.

+ Cầu: Chiều rộng cầu $B_c = 15m + 2 \times 0,5m = 16,0m$. Sơ đồ nhịp 2x24m, $L_c = 56,15m$ (đối với cầu Km2+625,88) và 3x24m, $L_c = 81,20m$ (đối với cầu Km6+166,68). Dầm dạng chữ I bằng BTCT dự ứng lực 40Mpa. Mặt cắt ngang cầu gồm 07 phiến dầm, liên kết giữa các dầm bằng dầm ngang và mối nối dọc BTCT 40Mpa. Mố, trụ cầu bằng BTCT đặt trên hệ cọc khoan nhồi. Lan can, tay vịn bằng thép ống. Đảm bảo giao thông thi công cống, cầu bằng đường công vụ.

c) Các công trình phụ trợ

- Via hè, bó vỉa, đan rãnh: Via hè lát bằng gạch Block tự chèn; bó vỉa, đan rãnh bằng BTXM.

- Điện chiếu sáng: Xây dựng mới hệ thống điện chiếu sáng cho toàn tuyến theo QCVN 07: 2010/BXD.

(Chi tiết các nội dung có hồ sơ kèm theo)

6. Địa điểm xây dựng: xã Xuân Lâm, Phú Lâm, huyện Tĩnh Gia.

7. Diện tích đất sử dụng: Khoảng 16,2ha.

8. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Dự án nhóm B, công trình giao thông cấp II.

9. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng: Chấp thuận danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn theo hồ sơ dự án kèm theo Tờ trình số 417/TTr-BQLKTNS ngày 17/3/2016 của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn.

10. Phương án giải phóng mặt bằng: Giao chủ đầu tư phối hợp với UBND huyện Tĩnh Gia tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

11. Tổng mức đầu tư: **398.439 triệu đồng.**

Trong đó: - Chi phí bồi thường GPMB : 47.473 triệu đồng;
- Chi phí xây dựng : 274.554 triệu đồng;

- Chi phí quản lý dự án : 3.140 triệu đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD : 10.598 triệu đồng;
- Chi phí khác : 15.101 triệu đồng;
- Chi phí dự phòng : 47.583 triệu đồng.

(chi tiết Tổng mức đầu tư có phụ lục kèm theo)

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương (Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng Khu kinh tế Nghi Sơn).

13. Thời gian thực hiện: Không quá 05 năm (từ năm 2016 - 2020).

14. Các bước thiết kế: Thiết kế 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

15. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

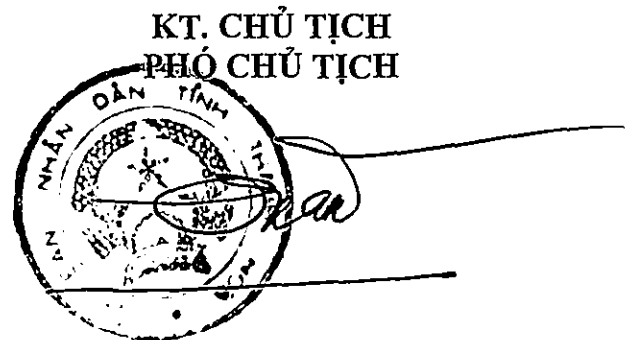
Điều 2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong bước tiếp theo, có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các ý kiến tại Báo cáo thẩm định số 965/SGTVT-TĐKHKT ngày 15/3/2016 của Sở Giao thông vận tải; Tờ trình số 861/SKHĐT-TĐ ngày 17/3/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành, đơn vị liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn, Chủ tịch UBND huyện Tĩnh Gia, Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu:VT, CN.



Lê Anh Tuấn

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án: Đường Đông Tây kéo dài - Khu kinh tế Nghi Sơn

(Kèm theo Quyết định số: 970/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Nội dung chi phí | Cách tính | Thành tiền |
|-----|--|--|----------------|
| I | Chi phí bồi thường GPMB (bao gồm cả trích đo bản đồ) | Ggpmb | 47.473 |
| II | Chi phí xây dựng (Gxd) | Gxd | 274.544 |
| 1 | Tuyến đường | | 232.190 |
| 2 | Đường ngang nút giao đường sắt Bắc Nam | | 10.000 |
| 3 | Điện chiếu sáng (bao gồm cả thiết bị) | | 32.354 |
| III | Chi phí quản lý dự án (Gqlđa) | $1,2581\% \times Gxd/1,1$ | 3.140 |
| IV | Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng (Gxd) | Gtv | 10.598 |
| 1 | Khảo sát, lập dự án, cắm cọc GPMB, mốc lộ giới | | 2.458 |
| 2 | Khảo sát bước lập TKBVTC-DT | Tạm tính | 1.500 |
| 3 | Lập TKBVTC-DT | $Gxd \times 0,8952\%$ | 2.458 |
| 4 | Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường | | 249 |
| 5 | Lựa chọn nhà thầu các gói thầu chưa thực hiện | $0,200\% \times Ggt$ | 118 |
| 6 | Lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát, lập dự án | | 74 |
| 7 | Giám sát thi công xây dựng công trình | $Gxd \times 1,0065\%$ | 2.763 |
| 8 | Giám sát, đánh giá dự án | $20,0\% \times Gqlđa$ | 628 |
| 9 | Thẩm tra an toàn giao thông | | 350 |
| V | Chi phí khác (Gk) | Gk | 15.101 |
| 1 | Chi phí hạng mục chung | | 11.482 |
| 2 | Bảo hiểm xây dựng công trình | | 590 |
| 3 | Thẩm định dự án | $0,008\% \times TMĐT$ | 33 |
| 4 | Thẩm định thiết kế | $0,040\% \times Gxd/1,1$ | 100 |
| 5 | Thẩm định dự toán | $0,038\% \times Gxd/1,1$ | 104 |
| 6 | Thẩm định KQĐT, HSMT các gói thầu | $0,100\% \times Ggt$ | 120 |
| 7 | Thẩm định KQĐT, HSMT gói thầu tư vấn khảo sát, lập dự án | | 2 |
| 8 | Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường | | 59 |
| 9 | Kiểm toán | $0,388\% \times TMĐT$ | 1.550 |
| 10 | Thẩm tra phê duyệt quyết toán | $0,263\% \times TMĐT \times 0,5$ | 525 |
| 11 | Rà phá bom mìn, vật nổ | | 486 |
| 12 | Chi phí kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước | | 50 |
| VI | Chi phí dự phòng | Gdp | 47.583 |
| 1 | Dự phòng cho khối lượng phát sinh | $(I+II+III+IV+V) \times 10\%$ | 35.086 |
| 2 | Dự phòng cho yếu tố trượt giá | $(I+II+III+IV+V) \times 3,56\%$ | 12.497 |
| | Tổng cộng | $(I+II+III+IV+V+VI)$ | 398.439 |